

TRANH TỤNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

TS. Vũ Mộc

Khoa Luật - Trường Đại học Thành Đông

Căn cứ vào phương thức mà hoạt động tố tụng được thực hiện, căn cứ vào cơ sở pháp lý cho việc thực hiện phương thức đó trong tố tụng hình sự của các nước trên thế giới, người ta phân tố tụng hình sự thành ba hệ thống cơ bản: Hệ thống tố tụng hình sự tranh tụng, hệ thống tố tụng hình sự xét hỏi (hay thẩm vấn) và hệ thống tố tụng hình sự pha trộn.

Khái niệm tranh tụng trong tố tụng hình sự hay ít ra nội hàm của nó đã xuất hiện từ lâu. Lịch sử Nhà nước và Pháp luật đã chứng minh rằng, ý tưởng “*đòi hỏi trực tiếp để tìm ra sự thật của vấn đề*” của nhà triết học cổ đại người Hy Lạp Plato vào đầu những năm 400 trước Công Nguyên (428-347 B.C.) là nền tảng của hệ thống tố tụng tranh tụng ngày nay. Ý tưởng này của Plato được các luật gia Hy Lạp cổ đại phát triển và xây dựng thành một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự của nhà nước Hy Lạp cổ đại. Sau đó, những nguyên tắc này được áp dụng trong hệ thống pháp luật của La Mã và các quốc gia cổ đại khác ở Châu Âu với tên gọi “*thủ tục hỏi đáp liên tục*” hay “*thủ tục tố tụng tranh tụng*”.

Tranh tụng không chỉ là thành tựu pháp lý đơn thuần, mà cao hơn cả nó là thành tựu của sự phát triển tư tưởng dân

chủ, tiến bộ trong lịch sử tư tưởng của nền văn minh nhân loại. Trong xã hội hiện đại, ở các nước dù có tổ chức hệ thống tư pháp khác nhau, dù là hệ thống luật án lệ (common law), hệ thống luật lục địa (legal law) hay hệ thống luật xã hội chủ nghĩa, thì ít hay nhiều và bằng các thể hiện khác nhau, trong hệ thống tố tụng đều có yếu tố tranh tụng. Đây là cơ chế tố tụng có hiệu quả bảo đảm cho Tòa án xác định sự thật khách quan của vụ án, giải quyết đúng đắn vụ việc, đảm bảo sự công bằng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng.

Ở nước ta, trong những năm gần đây, mới đầu khái niệm tranh tụng được chính thức đề cập đến trong các nghị quyết của Đảng, như Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và cho đến năm 2013 khái niệm tranh tụng mới được pháp luật chính thức ghi nhận trong Hiến pháp (Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp/2013: Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm) sau đó tiếp tục được ghi nhận trong một số văn bản pháp luật tố tụng khác, như; Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Điều 26. Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm); Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (Điều 24. Bảo đảm tranh tụng trong xét xử); Đây là những quy định

mới, nổi bật của luật tố tụng trong thời kỳ đổi mới, là căn cứ pháp lý quan trọng để đảm bảo hoạt động xét xử được khách quan, toàn diện, công bằng, bình đẳng, chống oan, chống lọt trong hoạt động tố tụng của nước ta.

Do khái niệm tranh tụng còn rất mới mẻ đối với nền tư pháp nước ta, nên trước khi xây dựng Hiến pháp 2013 và các luật về tố tụng, nhất là Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS/2015) đã có nhiều công trình nghiên cứu với cách tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau nhưng đều tập trung làm rõ khái niệm tranh tụng, so sánh mô hình tố tụng hình sự tranh tụng với mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn.

Theo Từ điển Luật học - NXB Từ điển bách khoa - NXB Tư pháp năm 2006, khái niệm “*tranh tụng*” là các hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (*bên buộc tội và bên bị buộc tội trong các vụ án hình sự; bên nguyên đơn và bên bị đơn trong các vụ án dân sự...*) có quyền bình đẳng với nhau trong việc thu thập, đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quan điểm và lợi ích của mình, phản bác lại các quan điểm và lợi ích của phía đối lập.

Trên cơ sở khái niệm trên, các nhà khoa học cho rằng “*tranh tụng*” được nhìn nhận như là một quá trình tồn tại, vận động, đấu tranh nhằm phủ định lẫn nhau giữa hai chức năng cơ bản (*chức năng buộc tội và chức năng bào chữa*). Tranh tụng là hoạt động dân chủ, bình

đẳng giữa các chủ thể tố tụng có chức năng buộc tội và chức năng bào chữa trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Hoạt động này được bắt đầu kể từ khi xuất hiện chức năng buộc tội và chức năng bào chữa cho đến khi kết thúc việc xét xử. “*Tranh tụng*” được hiểu theo hai khía cạnh: *Một là*, tranh tụng được hiểu với nghĩa rộng như một mô hình tố tụng hình sự; *hai là*, tranh tụng được hiểu theo nghĩa hẹp như một nguyên tắc trong tố tụng hình sự.

Với cách hiểu tranh tụng như một mô hình tố tụng hình sự thì tranh tụng được hiểu là quá trình giải quyết vụ án. Theo đó, các đương sự được quyền tự do thu thập chứng cứ, được tranh luận về các yêu cầu, các chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quan điểm, quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tranh tụng là một quá trình được bắt đầu ít nhất từ khi xuất hiện các bên đối tụng - *buộc tội và bào chữa*, và kết thúc khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, hiểu theo nghĩa rộng thì quá trình tranh tụng này sẽ bao gồm toàn bộ các giai đoạn điều tra, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và cả giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm.

Với cách hiểu tranh tụng như một nguyên tắc của tố tụng hình sự thì tranh tụng được hiểu là những hoạt động tố tụng được thực hiện tại phiên tòa bởi hai bên đối tụng. Tranh tụng là sự đối đáp, đấu tranh giữa các bên đối tụng tại phiên tòa về chứng cứ, phản bác lại các quan

điểm, yêu cầu của bên đối tụng kia để từ đó chứng minh cho Tòa án (*Hội đồng xét xử*) thấy rằng, quan điểm, yêu cầu và phản đối yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Về bản chất, dù là mô hình tố tụng nào đi nữa, mô hình tố tụng tranh tụng hay mô hình tố tụng thẩm vấn áp dụng nguyên tắc tranh tụng thì tranh tụng luôn là quá trình kiểm tra chéo chứng cứ, là quá trình trình bày những quan điểm, lập luận về chứng cứ giữa bên buộc tội và bên bào chữa nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó, các chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự tranh tụng được phân định rõ ràng - *chức năng buộc tội; chức năng bào chữa; chức năng xét xử*.

Để thực hiện ba chức năng này của tố tụng hình sự thì việc tham gia vào quá trình tranh tụng có nhiều chủ thể khác nhau. Chủ thể tham gia tranh tụng gồm có: Người bị buộc tội; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; người bào chữa; Điều tra viên; Công tố viên; người bị hại; Thẩm phán; Hội thẩm; người làm chứng.... Các chủ thể này đại diện cho ba chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự đó là buộc tội, bào chữa và xét xử. Và do vị trí, vai trò khác nhau nên mỗi chủ thể tham gia thực hiện một chức năng hoặc một phần chức năng buộc tội hoặc bào chữa hoặc xét xử. Trong mô hình tố tụng tranh tụng người ta không phân biệt “*người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng*”. Chỉ riêng việc không phân

biệt này đã thể hiện rõ tư tưởng bình đẳng trong tố tụng tranh tụng. Tuy nhiên, muốn tư tưởng này được thực hiện trên thực tế thì khi qui định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tố tụng - *bên buộc tội, bên bào chữa* - phải thực sự bình đẳng với nhau trong việc xác lập, xuất trình, đánh giá chứng cứ không chỉ ở giai đoạn xét xử, mà cả ở giai đoạn trước xét xử. Sẽ là bất bình đẳng và không công bằng nếu một bên có đầy đủ (đôi khi còn “*dư thừa*”) các điều kiện, phương tiện pháp lý để thực hiện chức năng của mình, còn bên kia thì lại có quá ít. Các bên đối tụng đều có quyền và được đảm bảo thuận lợi trong việc chuẩn bị các điều kiện (*điều tra, thu thập chứng cứ*) cho việc tranh tụng tại phiên tòa, vì nếu không sẽ không có tranh tụng thật sự, việc tranh tụng chỉ là hình thức. Tòa án (*Hội đồng xét xử*) chỉ thực hiện chức năng xét xử, không tham gia vào “*chức năng buộc tội, thu thập chứng cứ*”. Việc chứng minh tội phạm, việc chứng minh người bị tình nghi phạm tội có phạm tội hay không phạm tội hoặc phạm tội nhẹ hơn thuộc về trách nhiệm của cơ quan Công tố, của người bị tình nghi phạm tội, của người bào chữa. Tòa án giữ vai trò trung tâm, độc lập, khách quan, tạo điều kiện thuận lợi cho bên buộc tội và bào chữa thực hiện tốt chức năng của mình một cách bình đẳng.

Việc phân định rõ ba chức năng - *buộc tội, bào chữa và xét xử*, việc gọi các bên đối tụng đều là các chủ thể tố tụng,

có quyền bình đẳng như nhau được coi là đặc trưng cơ bản nhất của tố tụng hình sự tranh tụng và quyền lực được phân chia giữa Công tố viên (*bên buộc tội*), bên bào chữa (*bị cáo, Luật sư*) và Hội đồng xét xử (*Thẩm phán, Bồi thẩm đoàn*).

Ngoài ra, để bảo đảm cho quá trình tranh tụng được diễn ra bình đẳng, dân chủ, khách quan, mô hình tố tụng hình sự tranh tụng thực hiện các phương thức sau đây:

- *Thứ nhất*, bảo đảm việc tiến hành các hoạt động “*kiểm tra chéo chứng cứ*”, thực hiện các biện pháp “*đối chất*” khi cần thiết để xác định tính chính xác, có căn cứ của chứng cứ. Các bên đối tụng (*buộc tội và bào chữa*) đều có quyền thẩm vấn chéo các nhân chứng để kiểm tra tính trung thực trong lời khai của họ, kiểm tra tính xác thực và tính có căn cứ về những chứng cứ mà họ đã khai, nhằm bảo đảm lời khai của nhân chứng phù hợp với những gì thực tế đã xảy ra và lời khai của họ đúng là cái mà họ đã nhìn thấy, trực tiếp chứng kiến chứ không phải suy diễn.

- *Thứ hai*, bảo đảm quyền tranh tụng trước toà cho cả phía buộc tội (*Công tố viên-đại diện của Nhà nước*) và phía bào chữa (*bị cáo, Luật sư*) một cách bình đẳng, khách quan, không bên nào được lấn át hay áp đặt quan điểm của mình đối với bên kia. Thẩm phán giữ vai trò trọng tài, điều khiển cuộc tranh tụng, bảo đảm cho các bên đối tụng có đầy đủ các điều

kiện và quyền hạn như nhau, buộc bên bị phản đối phải chấm dứt việc đưa ra các quan điểm suy diễn, áp đặt nếu sự phản đối của bên đối tụng là có căn cứ (*phản đối hữu hiệu*), đồng thời, ngăn chặn những phản đối không có căn cứ (*phản đối vô hiệu*).

Mục tiêu của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng cũng giống như mục tiêu của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn là tìm đến sự thật của vụ án. Tuy nhiên, sự thật mà tố tụng hình sự tranh tụng tìm đến là sự thật pháp lý, còn sự thật mà tố tụng hình sự thẩm vấn tìm đến lại là sự thật khách quan. Quyết định của tòa án trong tố tụng hình sự tranh tụng được thực hiện không phải trên cơ sở sự thật khách quan của vụ án (không trên cơ sở “niềm tin nội tâm” của Hội đồng xét xử) mà là trên cơ sở sự thật được các bên đối tụng chứng minh tại phiên tòa. Ngoài ra, cách thức mà các mô hình tố tụng hình sự tìm đến sự thật của vụ án cũng không giống nhau. Trong khi mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn coi trọng hồ sơ vụ án, quá trình tố tụng được thực hiện dựa trên cơ sở hồ sơ vụ án là chủ yếu. Tòa án thực hiện việc chứng minh hành vi phạm tội trên cơ sở sử dụng kết quả chứng cứ có trong hồ sơ và qua việc kiểm tra công khai tại tòa. Trong khi đó, mô hình tố tụng hình sự tranh tụng lựa chọn cách thức tìm đến sự thật khách quan là tạo ra và bảo đảm quy trình, thủ tục tố tụng thực sự công bằng để các bên đối tụng đi tìm sự thật theo cách của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tính

tranh tụng trong xét xử vụ án được thực hiện một cách triệt để, sự thật chỉ được xác lập tại phiên tòa mà không phải “*nằm trong hồ sơ vụ án*”. Hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra, Cơ quan công tố lập trước đó chỉ có giá trị như một tài liệu tham khảo để Công tố viên thực hiện chức năng buộc tội tại phiên tòa, không có giá trị nào đối với Hội đồng xét xử. Điều đó có nghĩa là bên đối tụng nào đưa ra chứng cứ, lý lẽ thuyết phục được Hội đồng xét xử thì sự thật sẽ thuộc về bên đó và là người “chiến thắng” trong cuộc tranh tụng, mặc dù sự thật khách quan có thể không phải là như vậy.

Trên cơ sở nghiên cứu những nhân tố tích cực của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (*BLTTHS/2015*) lần đầu tiên đã ghi nhận tranh tụng là một nguyên tắc trong tố tụng hình sự (*Điều 26*). Việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng và những quy định tiến bộ khác về bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng mang tính đột phá, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và uy tín của hệ thống các cơ quan tư pháp, đảm bảo sự công bằng, dân chủ, minh bạch trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Với việc qui định nguyên tắc “*Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”, mặc dù về bản chất vẫn là mô hình tố tụng thẩm vấn, nhưng đã có sự chuyển biến về chất và không còn nguyên nghĩa của mô hình tố tụng thẩm vấn nữa mà có sự đan xen giữa mô hình

tố tụng tranh tụng và thẩm vấn. Tuy nhiên, nghiên cứu qui định tại Điều 26 cho thấy, so với tên gọi và xét theo nội dung của điều luật thì phạm vi tranh tụng đã được mở rộng hơn. Theo đó, tranh tụng không chỉ thể hiện trong giai đoạn xét xử mà cả ở giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố. Ở mỗi giai đoạn khác nhau thì biểu hiện của tranh tụng cũng khác nhau.

Ở giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, đoạn một Điều 26 qui định: Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Ở các giai đoạn này, điều luật chỉ thể hiện một cách chung chung, ngắn gọn, không cụ thể, chi tiết như ở giai đoạn xét xử.

Ở giai đoạn xét xử, đặc biệt tại phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm thì yếu tố tranh tụng thể hiện rất đậm nét. Ở giai đoạn này, ngoài việc qui định quyền bình đẳng của người tham gia tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu, Điều 26 còn nhấn mạnh trách nhiệm của Tòa án là: Phải tạo điều kiện để người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án và mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đều phải được trình bày,

tranh luận, làm rõ tại phiên tòa. Đây là những quy định tiên bộ, tạo cơ sở pháp lý và định hướng cho việc xây dựng các qui định khác của BLTTHS/2015 nhằm đảm bảo cho các bên có điều kiện tranh tụng trên thực tế và có hiệu quả. Qua đó cho thấy, mặc dù phạm vi tranh tụng được thực hiện ở tất cả các giai đoạn tố tụng, nhưng tập trung nhất, cơ bản nhất vẫn là ở giai đoạn xét xử. Bản chất của quá trình tranh tụng theo BLTTHS/2015 là việc các bên tham gia tranh tụng đều có quyền bình đẳng đưa ra những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, đồng thời phát biểu quan điểm, tranh luận để làm rõ sự thật của vụ án tại phiên tòa. Thông qua tranh tụng, Tòa án hiểu rõ hơn các tình tiết của vụ án. Và dựa trên kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ, dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án mới có thể đưa ra được một bản án, quyết định đúng đắn, khách quan, thuyết phục.

BLTTHS/2015 ghi nhận tranh tụng không chỉ là một thủ tục tố tụng mà còn là phương thức để đạt tới chân lý khách quan, có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự. Thông qua tranh tụng tại phiên tòa, những chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án đều được kiểm tra đánh giá một cách công khai, dân chủ; những mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án, những vi phạm tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố đều được làm rõ và xử lý triệt để. Bị cáo trực tiếp hoặc thông qua người bào chữa có quyền phản đối quan điểm của bên buộc tội mà

không bị coi là ngoan cố, chống đối, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Thông qua tranh tụng, Hội đồng xét xử xác định được sự thật khách quan của vụ án, làm cơ sở vững chắc để đưa ra phán quyết trong bản án, quyết định của mình, không để xảy ra tình trạng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, để thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng trong thực tế, theo chúng tôi BLTTHS/2015 cần phải khắc phục một số hạn chế cơ bản sau đây:

Một là, mặc dù Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, nhưng việc phân định ba chức năng cơ bản của tố tụng hình sự lại chưa được rõ ràng, nhất là chức năng buộc tội và chức năng xét xử. Tòa án thực hiện chức năng xét xử nhưng lại có quyền thu thập và đánh giá chứng cứ, chứng minh sự có tội, vô tội của bị cáo.... Tòa án chưa phải là cơ quan độc lập, khách quan, thật sự vô tư, không thiên vị, không đứng về bên buộc tội hay bên bào chữa trong quá trình tranh tụng. Cụ thể, đoạn 1 Điều 15 BLTTHS/2015 qui định: Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (*Tòa án*) hoặc Điều 85 qui định: Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (*Tòa án*) phải chứng minh có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm

và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;...

Hai là, mặc dù Điều 26 qui định: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bị buộc tội, người bào chữa ... đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu ... tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án. Tuy nhiên, nghiên cứu một số qui định khác của BLTTHS/2015 thì thấy nội dung trên bị hạn chế như:

- BLTTHS/2015 có sự phân biệt “người có thẩm quyền tiến hành tố tụng” với “người tham gia tố tụng”, chưa coi những người tham gia tố tụng cùng với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là các chủ thể “bình đẳng” trong tố tụng hình sự. Do đó, không thể không tránh khỏi việc phân biệt đối xử trong quá trình giải quyết vụ án;

- Điều 26, 60, 61 BLTTHS/2015 qui định bị can, bị cáo có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật... nhưng họ chỉ có quyền đề nghị với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng về việc giám định, định giá tài sản mà không có quyền tự quyết định trưng cầu. Trong trường hợp đề nghị của họ không được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận thì vô hình chung “*quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ*” qui định tại các điều luật trên không có hiệu lực trên thực tế...

Tóm lại, nguyên tắc “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” là một qui

định tiến bộ, thể hiện sự đổi mới rõ nét trong hoạt động xây dựng pháp luật, trong hoạt động tư pháp của nước ta. Song, để bảo đảm nguyên tắc này được thực hiện trên thực tế thì một số những điều luật cụ thể của BLTTHS/2015 cần được sửa đổi, bổ sung, nhất là những qui định thể hiện sự bình đẳng giữa các chủ thể tố tụng, cũng như các chức năng tố tụng phải được phân biệt, “*phân vai*” rõ ràng, tránh tình trạng chồng chéo khi thực hiện ba chức năng này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Bộ luật tố tụng hình sự 2015* và các văn bản hướng dẫn thi hành
- [2]. Nguyễn Văn Hiến, *Bàn về nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự*, Tạp chí nhà nước và pháp luật, Số 7/2008, tr.63-66.
- [3]. TS. Nguyễn Thái Phúc, *Bình luận về nguyên tắc tranh tụng trong Dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi)*, Tạp chí Kiểm sát, Số 9/2015, tr. 17 – 23.
- [4]. Đinh Thị Thanh Tâm, *Cần sắp xếp lại những nguyên tắc cơ bản và bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong Bộ luật tố tụng hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, Số 2/2010, tr. 31 – 33.
- [5]. Hoàng Thị Liên, *Cần thể chế hóa nguyên tắc tranh tụng trong Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi)*”, Tạp chí Kiểm sát, Số 6/2014, tr. 49 – 50.
- [6]. TSKH. Lê Văn Cẩm, *Hoàn thiện nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát, Số 11/2011, tr. 28 - 32, 37.
- [7]. Phạm Huy Quang, Tô Thị Loan, *Nguồn chứng cứ trong luật tố tụng hình sự của một số nước theo mô hình kết hợp tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn*, Tạp chí Kiểm sát, Số 10/2017, tr. 58 – 63.
- [8]. TS. Lê Hữu Thê - ThS. Nguyễn Thị Thủy, *Đề tài kho học cấp Bộ: Hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, năm 2010.
- [9]. TS. Nguyễn Đức Mai, *Đặc điểm của mô hình tố tụng tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án, Số 23/2009, tr. 1 - 8.
- [10]. Phạm Huy Quang, Tô Thị Loan, *Nguồn chứng cứ trong luật tố tụng hình sự của một số nước theo mô hình kết hợp tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn*, Tạp chí kiểm sát, Số 10/2017, tr. 58 - 63....